

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày: 06/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường
2. Ông Nguyễn Xuân Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký TAND Thành Phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Đức T - Sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Phố L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Xuân M (chết) và bà Ngô Thị N; vợ: Lại Thị H và có 01 con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2017, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

khoảng 17h00 ngày 27/9/2017, Phạm Đức T đến nhà Lê Văn D ở đường L, phường Đ, thành phố H, D bảo T đi bán cho D 01 gói ma túy đá lấy 10.000.000đ, D sẽ trả công cho T từ 300.000đ đến 400.000đ. T nhận lời rồi bỏ gói ma túy đá vào túi quần bên phải đi xe máy đến khu vực ngã ba đường N, phường Đ, thành phố H tìm người để bán, nhưng chưa bán được ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang vào hồi 18h00 cùng ngày. Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nilon màu trắng kích thước (6 x 10) cm bên trong chứa các chất tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen không biển số.

Tại Bản kết luận giám định số 2115/MT-PC54 ngày 30/9/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong là ma túy có trọng lượng 40,512g, loại: Methamphetamine.

Đối với Lê Văn D, Cơ quan điều tra đã khám xét nơi ở tuy nhiên không phát hiện được đồ vật nghi vấn, ban đầu D không thừa nhận hành vi thuê T bán ma túy, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần để làm rõ tuy nhiên D đã trốn khỏi địa phương, khi nào triệu tập được Lê Văn D, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen T dùng làm phương tiện đi bán ma túy, quá trình điều tra xác định đó là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Danh C, trú tại phố Phụng Đ, phường T, thành phố H. Anh C không biết T sử dụng xe máy của mình vào việc phạm pháp nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh C.

Số ma túy còn lại sau giám định và chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Đức T cơ quan Công an đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố H chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS-MT ngày 02/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đã truy tố Phạm Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999. Về hình phạt đại diện VKS đề nghị xử phạt Phạm Đức T mức án từ 08 năm đến 09 năm tù. Ngoài ra VKS còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Khoảng 18h00 ngày 27/9/2017 tại khu vực đường N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Đức T đang cất giữ trong người 01 gói ma túy có trọng lượng 40,512g, loại Methamphetamine mang đi bán nhưng chưa bán được thì bị tổ công tác đội 2 phòng PC47 Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của Phạm Đức T có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 BLHS như cáo trạng của VKS truy tố các bị cáo là đúng.

[2] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hiện nay tệ nạn ma túy đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, là một trong những tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của giống nòi. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, nhưng vì hám lời bị cáo đã coi thường pháp luật, mang số lượng lớn ma túy đi bán. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Vì vậy tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm.

Với mức độ phạm tội của bị cáo và tính chất nghiêm trọng của tội phạm ma túy, thì cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bố bị cáo là người có công được Chủ tịch nước thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, nên khi xem xét hình phạt cần áp dụng điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định trong 01 phong bì niêm phong là vật cấm lưu hành và 01 chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy và tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức Thắng phạm tội : “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Phạm Đức T 08(Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2017.

Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì của phòng kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Thanh Hóa, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trần Đ, Nguyễn Văn C, Đinh Thị Thu T và Trần Thị Thúy H.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ.

Hiện toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, theo biên bản giao nhận vật chứng số 73/THA ngày 29/01/2018.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSNDTPH;
- Công an TP H;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Hào